

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/DS-PT
Ngày: 12/7/2018
V/v tranh chấp về dân sự quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2017/TLPT-DS, ngày 20/11/2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 324/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Nguyễn Trung H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khóm B1, phường B, thành phố L, tỉnh A.

2/ Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

- Người đại diện hợp pháp của anh H, chị C: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1931, địa chỉ cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ, là người đại diện theo ủy quyền.

- Bị đơn: Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: ông Võ Phát T – Luật sư Văn phòng luật sư Đức Trí thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1931.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

2/ Phạm Thị S, sinh năm 1938

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

3/ Phạm Tây N, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

4/ Lý Thị Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ: khóm B1, phường B, thành phố L, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của Phạm Thị S, Phạm Tây N, Lý Thị Đ: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1931, địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ, là người đại diện theo ủy quyền.

5/ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp H 2, xã T, huyện P, tỉnh A.

6) Nguyễn Huỳnh L, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ.

7) Nguyễn Huỳnh Như N, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

8) Nguyễn Huỳnh Ái D, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Y, Nguyễn Huỳnh L, Nguyễn Huỳnh Như N, Nguyễn Huỳnh Ái D: bà Huỳnh Thị Kim N, địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đ, là người đại diện theo ủy quyền.

9) Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn N2, chức vụ: Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật.

Theo đơn kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kim N là bị đơn.

(Ông N, bà N có mặt tại phiên tòa, Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà S, ông TN, bà Đ) là ông Nguyễn Văn N trình bày: Năm

1990, cha mẹ (ông N, bà S) cho 03 đứa con, gồm: Nguyễn Nhựt H (chồng bà N), Nguyễn Trung H và Nguyễn Thị Kim C, mỗi người 01 phần đất thuộc ấp L, xã P, huyện T, với chiều ngang 7m cặp tỉnh lộ 844, chạy dài 45m.

Năm 1991 thì ông H cất nhà ở cho đến năm 1996 nhà bị sập, nên ông gởi đất lại cho cha mẹ trông coi dùm và đi làm ăn xa. Còn bà C khi cho đất thì ở bên chồng, chưa có nhu cầu sử dụng nên cho ông Võ Văn L mượn cất trại làm lúa, đến năm 1997 thì ông L trả đất và bà C cũng gởi đất cho cha mẹ giữ. Khi Nhà nước thông báo cho đăng ký quyền sử dụng đất thì ông H đi làm ăn xa, bà C thì đang sống bên chồng nên cả hai đều không hay biết, lúc này ông H đi đăng ký và đã được cấp quyền sử dụng đất luôn phần đất của ông H, bà C. Đến năm 2007 ông H chết, thì bà N (vợ ông H) làm thủ tục chuyển quyền, lúc này ông H, bà C mới biết là bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình. Do đó khởi kiện yêu cầu gia đình bà N trả lại cho mỗi người chiều ngang phía trước lộ 844 là 7m, sau hậu là 6,3m, chiều dài 45m, diện tích 299,25m². Nhưng sau khi đo đạc thực tế thì ông H, bà C cho là bà N cất nhà và ngôi mộ của ông H lệch qua đất của ông, bà, nếu lấy đủ chiều ngang 7m thì phải di dời nhà và mộ nên đã khởi kiện bổ sung thay đổi diện tích và tại phiên tòa yêu cầu cụ thể như sau:

Ông H yêu cầu trả 400m² với chiều ngang phía trước cặp tỉnh lộ 844 là 5m, sau hậu là 12,63m, chiều dài 46m.

Bà C yêu cầu 308,6m² với chiều ngang phía trước cặp tỉnh lộ 844 là 7m, sau hậu là 6,33m, chiều dài 47m.

Bị đơn và người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh chị: Y, L, N, D) là bà Huỳnh Thị Kim N trình bày: Vào năm 1982 khi về chung sống với ông H, thì gia đình bên chồng không cho sống chung, nên năm 1983 bà nội là bà Lê Thị L (đã chết) cho vợ chồng bà diện tích đất cặp tỉnh lộ 844 diện tích khoảng 2.500m² để cất nhà ở, sau đó thì vợ chồng bà đổi đất với cha chồng là ông N, rồi vợ chồng bà cất nhà ở ổn định. Khi Nhà nước có chủ trương đăng ký thì đến năm 1995 gia đình bà và ông N đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 01/3/2007 thì ông H bệnh chết, nên bà đã làm thủ tục thừa kế sang tên giấy chứng nhận và được cấp giấy ngày 02/5/2007. Do đó không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T: không có ý kiến.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C.
- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Trung H.
- Bà Huỳnh Thị Kim N có trách nhiệm giao trả:

+ Cho bà Nguyễn Thị Kim C diện tích 308,6m² thuộc 01 phần thửa 734, tờ bản đồ số 02, vị trí: .

Hướng đông giáp đất của ông H được bà N giao trả 46m.

Hướng tây giáp đất ông Trần Văn K 47m.

Hướng nam giáp đất ông Nguyễn Văn N 6,33m.

Hướng bắc giáp Tỉnh lộ 844 7m.

(Hiện bà N đứng tên giấy chứng nhận và đang sử dụng)

+ Cho ông Nguyễn Trung H diện tích 166,74m² thuộc 01 phần thửa 734, tờ bản đồ số 02, vị trí:

Hướng Đông giáp đất của bà N đang sử dụng 44,5 m.

Hướng Tây giáp đất của bà C được bà N giao trả 46 m.

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn N 1,93m.

Hướng Bắc giáp Tỉnh lộ 844 5m.

(Hiện bà N đứng tên giấy chứng nhận và đang sử dụng)

(Có sơ đồ đo đạc đất ngày 06/3/2017 kèm theo)

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về các cây trên đất. Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Kim C được hưởng các cây có trên đất.

- Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp mới, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi án sơ thẩm tuyên, bà Huỳnh Thị Kim N là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N là luật sư Võ Phát T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, bác yêu cầu của anh H, chị C, sửa án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N không đồng ý giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C diện tích 308 m², ông Nguyễn Trung H diện tích 166,74m² cùng thuộc 01 phần thửa 734, tờ bản đồ số 02, vì bà cho rằng là năm 1983 được bà L (bà nội chồng) cho đất rồi đổi đất với ông N (cha chồng) nhưng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà N không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, trong khi ông N không thừa nhận có việc đổi đất. Tại phiên tòa, ông N cho là năm 1986 vợ chồng ông kêu vợ chồng H, N về cất nhà để ở trên phần đất tranh chấp, đến năm 1990 mới cho đất cho các con là: H, H, C mỗi người chiều ngang 7m, chạy dài từ tỉnh lộ 844 đến hết đất. Do đó, phần đất tranh chấp là của ông N cho các con từ năm 1990 và cụ thể năm 1991 ông H đã cất nhà trên phần đất này, còn bà C thì cho ông L mượn cất nhà để làm lúa. Việc Hậu, Lợp cất nhà thì bà N thừa nhận tại phiên tòa và cũng không có ý kiến hay phản đối gì về việc cất nhà này. Nên việc ông N cho đất cho H, C là có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa, bà N cũng không chứng minh được diện tích đất tranh chấp là của bà được cho, nên việc ông H tự đi đăng ký và được cấp quyền sử dụng luôn phần đất của ông H, bà C trong khi chưa được sự đồng ý của ông H, bà C là chưa phù hợp, nên việc UBND huyện T có văn bản số: 470/UBND-NC ngày 11/8/2011 để cung cấp thông tin cho Tòa án về việc cấp quyền sử dụng đất cho ông H sai đối tượng tại thửa 734 là phù hợp diễn biến xảy ra. Mặt khác, bà N cũng chỉ sử dụng 01 phần diện tích tại thửa 734 để cất nhà ở, phần đất ông H, bà C tranh chấp thì bà N cũng không sử dụng vào mục đích cụ thể. Do đó việc ông H, bà C yêu cầu bà N trả đất là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Trong quá trình thẩm định lại của cấp phúc thẩm, bà N yêu cầu thêm phần tranh chấp với ông Ngược (từ mốc M4, M5, M16, M15, M4) nhưng phần đất này phát sinh khi đo đạc và cấp sơ thẩm không xem xét nên cấp phúc thẩm không giải quyết phần này.

[4] Sau khi thẩm định lại phần diện tích có chênh lệch so với sơ thẩm, lý do đo đạc thủ công và đo bằng máy có chênh lệch nên lấy kết quả của sơ đồ thẩm định lại ngày 25/5/2018 làm cơ sở giải quyết.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do bà N chịu và đã chi xong nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị Kim C và một phần yêu cầu của Nguyễn Trung H là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên bà N phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim C.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Trung H.

- Bà Huỳnh Thị Kim N có trách nhiệm giao trả:

+ Cho bà Nguyễn Thị Kim C diện tích 300 m² thuộc 01 phần thửa 734, tờ bản đồ số 02, vị trí từ mốc M1, M2, M13, M12, M1. Cụ thể:

Hướng đông giáp đất của ông H được bà N giao trả dài 45 m, được nối từ mốc M2 đến M13.

Hướng tây giáp đất ông Trần Văn Kiên dài 47,1m, được nối từ mốc M1 đến mốc M12 .

Hướng nam giáp đất ông Nguyễn Văn N ngang 6,3m, được nối từ mốc M12 đến mốc M13.

Hướng bắc giáp Tỉnh lộ 844 ngang 7m, được nối từ mốc M1 đến mốc M2.

(Hiện bà N đứng tên giấy chứng nhận và đang sử dụng).

+ Cho ông Nguyễn Trung H diện tích 141 m² đất thuộc 01 phần thửa 734, tờ bản đồ số 02, vị trí từ mốc M2, M3, M14, M13, M2. Cụ thể:

Hướng Đông giáp đất của bà N đang sử dụng dài 43,7 m, được nối từ mốc M3 đến M14.

Hướng Tây giáp đất của bà C được bà N giao trả dài 45 m, được nối từ mốc M2 đến mốc M13.

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Ngọt ngang 1,5 m, được nối từ mốc M14 đến mốc M13.

Hướng Bắc giáp Tỉnh lộ 844 ngang 5m, được nối từ mốc M2 đến mốc M3.

(Hiện bà N đứng tên giấy chứng nhận và đang sử dụng)

(Có sơ đồ đo đạc đất ngày 25/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tam Nông kèm theo).

Công nhận cho bà N phần diện tích đất từ mốc M3, M4, M15, M14, M3.

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về các cây trên đất. Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Kim C được hưởng các cây có trên đất.

- Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp mới, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Huỳnh Thị Kim N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.069.500 đồng.

+ Ông Nguyễn Trung H và bà Lý Thị Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 525.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng (do Nguyễn Văn N nộp thay) theo biên lai thu số BN/2013 09240 ngày 12/7/2017 và BM/2012 024146 ngày 12/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông H, bà Đ còn phải liên đới nộp 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 347.000 đồng theo biên lai thu số BN/2013 09239 ngày 12/7/2017 và BM/2012 024145 ngày 12/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 17054 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Tam Nông, như vậy bà N đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Tam Nông;
- CCTHADS huyện Tam Nông;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thanh Mỹ

